

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức:** Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ("HABECO")
 - **Mã chứng khoán/Mã thành viên:** BHN
 - **Địa chỉ:** Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
 - **Điện thoại liên hệ:** 024.38453843 Fax: 024.37223784
 - **Email:** habeco@habeco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
 - Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2025 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 29 /01/2026 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trường Thắng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	13 – 50

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mì, bột mì, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quán Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Giang	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Số: 01.07.2.8/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 1 năm 2026, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 31/12/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo kết quả công tác soát xét ngày 23/1/2025 có kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Tổng Giám đốc



Lê Hồng Đào

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 1 năm 2026



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.938.549.698.673	5.352.518.818.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	786.892.181.935	1.036.109.602.407
1. Tiền	111		195.892.181.935	548.279.602.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		591.000.000.000	487.830.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.071.040.179.419	3.297.999.912.329
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.071.040.179.419	3.297.999.912.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		356.226.418.806	250.501.738.886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	198.938.904.473	145.074.290.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46.999.980.602	36.553.599.481
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	134.045.319.965	92.949.593.791
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(23.757.786.234)	(24.075.745.356)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	664.105.963.286	713.918.413.203
1. Hàng tồn kho	141		683.137.451.073	732.493.932.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(19.031.487.787)	(18.575.519.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.284.955.227	53.989.152.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	23.097.838.344	31.263.540.647
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.107.392.416	16.414.644.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	12.079.724.467	6.310.967.036
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.604.863.915.564	1.906.681.183.873
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		236.800.000	231.800.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	236.800.000	231.800.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.021.371.669.015	1.194.282.460.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	952.074.593.787	1.119.065.206.629
- Nguyên giá	222		9.508.519.831.873	9.506.630.149.434
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.556.445.238.086)	(8.387.564.942.805)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	69.297.075.228	75.217.254.118
- Nguyên giá	228		183.537.277.688	175.579.262.280
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(114.240.202.460)	(100.362.008.162)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	2.852.047.026	2.881.508.740
- Nguyên giá	231		13.908.625.528	12.418.243.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.056.578.502)	(9.536.735.006)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	8.978.202.831	16.835.179.030
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.978.202.831	16.835.179.030
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	280.950.689.628	476.670.079.750
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		239.913.647.668	235.633.037.790
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.750.000.000	43.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.712.958.040)	(2.712.958.040)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	200.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		290.474.507.064	215.780.155.606
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	286.127.736.957	205.053.706.642
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	2.161.256.682	7.085.348.505
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.185.513.425	3.641.100.459
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.543.413.614.237	7.259.200.002.724

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.144.346.242.398	1.992.820.227.026
I. Nợ ngắn hạn	310		1.952.646.287.228	1.869.699.422.684
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	669.942.280.499	610.051.831.692
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.713.635.857	109.148.123.978
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	349.315.506.773	382.187.805.603
4. Phải trả người lao động	314		256.016.829.633	178.323.002.524
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	148.838.607.281	143.604.819.918
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	321.963.634	4.800.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	297.364.730.347	283.393.359.461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	28.204.157.872	70.681.112.774
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	2.688.451.572	2.256.812.292
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		89.240.123.760	90.047.754.442
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		191.699.955.170	123.120.804.342
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	312.904.575	312.904.575
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	191.083.087.595	121.891.936.767
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	303.963.000	915.963.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.399.067.371.839	5.266.379.775.698
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.398.677.371.839	5.265.628.783.522
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	1.532.691.904.862	1.540.865.646.123
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	10.737.027.465	11.432.027.465
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	860.647.737.448	722.092.432.295
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		392.130.977.241	351.385.832.337
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		468.516.760.207	370.706.599.958
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		676.600.702.064	673.238.677.639
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		390.000.000	750.992.176
1. Nguồn kinh phí			390.000.000	420.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			-	330.992.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.543.413.614.237	7.259.200.002.724

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

T.M.H.H. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.246.127.098.824	2.307.117.229.959	8.652.300.796.352	8.301.777.944.671
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	42.979.340.665	36.419.636.916	127.697.482.353	83.365.816.073
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.203.147.758.159	2.270.697.593.043	8.524.603.313.999	8.218.412.128.598
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.571.559.277.414	1.638.122.799.684	6.105.390.956.904	6.026.881.693.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.5	631.588.480.745	632.574.793.359	2.419.212.357.095	2.191.530.434.775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.6	66.139.969.076	55.555.091.420	217.708.763.492	177.669.945.778
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	637.817.777	1.412.931.941	6.397.659.263	5.758.925.009
8. Trọng số: Chi phí lãi vay	23	VI.6	242.872.177	370.547.897	1.591.462.963	2.919.404.255
9. Chi phí bán hàng	24	VI.7	1.956.894.117	4.143.808.668	16.924.070.333	16.464.070.603
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	404.143.620.140	404.766.468.853	1.464.421.874.500	1.377.780.938.100
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26	VI.7	211.098.378.245	160.121.972.483	599.641.277.658	513.365.466.604
12. Thu nhập khác	30	VI.8	83.805.527.776	125.972.320.170	583.384.379.499	488.759.121.443
13. Chi phí khác	31	VI.8	15.618.983.500	18.914.106.730	38.839.887.207	29.677.221.640
14. Lợi nhuận khác	32	VI.9	5.850.607.079	5.946.004.377	9.735.928.229	11.594.776.199
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40	VI.9	9.768.376.421	12.968.102.353	29.103.958.978	18.082.445.441
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50	VI.10	93.573.904.197	138.940.422.523	612.488.338.477	506.841.566.884
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	VI.10	17.590.991.201	28.326.599.289	114.892.369.075	117.963.752.521
18. Lợi nhuận sau thuế	52	VI.10	1.517.112.996	(2.729.983.196)	4.924.091.823	(2.262.199.087)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60	VI.10	74.465.800.000	113.343.806.430	492.671.877.579	391.140.013.450
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI.10	71.621.671.782	109.496.209.431	468.516.760.207	370.706.599.958
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	62	VI.11	2.844.128.218	3.847.596.999	24.155.117.372	20.433.413.492
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.11	309	472	2.021	1.599
	71	VI.11	309	472	2.021	1.599

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quốc Lâm

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		612.488.338.477	506.841.566.884
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		260.088.874.464	383.094.400.520
- Các khoản dự phòng	03		569.648.808	(1.724.321.213)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(12.546.878)	(156.097.946)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(219.188.657.438)	(175.523.452.029)
- Chi phí lãi vay	06		1.591.462.963	2.919.404.255
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		655.537.120.396	715.451.500.471
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91.636.187.224)	192.612.731.160
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		50.812.068.301	3.796.078.694
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		192.782.550.170	196.975.249.069
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(72.908.328.012)	(18.929.309.724)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.645.162.906)	(2.891.144.515)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(155.321.172.982)	(19.047.780.991)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.457.905.951)	(123.213.833.312)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		530.162.981.792	944.753.490.852
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(76.352.080.100)	(70.838.090.387)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.837.770.735	714.400.480
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.271.178.296.295)	(4.737.058.055.283)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.698.138.029.205	3.963.147.839.754
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		184.368.056.882	161.650.889.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(458.186.519.573)	(682.383.016.240)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		272.257.195.731	348.373.144.518
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(315.346.150.633)	(394.083.167.974)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(278.189.009.145)	(345.280.863.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(321.277.964.047)	(390.990.887.166)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(249.301.501.828)	(128.620.412.554)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.036.109.602.407	1.164.573.830.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		84.081.356	156.184.676
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	786.892.181.935	1.036.109.602.407

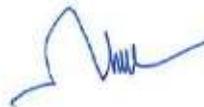
Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

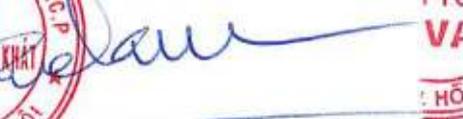
Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

1386

NG
NHI
1 TC
V/
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ù men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2025 là: 509 người (ngày 31/12/2024 là 515 người).

Tổng số các Công ty con : 16

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 16

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Thôn Yên Nhân, xã Mê Linh, TP Hà Nội;

- Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con. Công ty con là đơn vị do công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng tại Tổng Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ được điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc hợp nhất báo cáo.

Số dư các tài khoản trong bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá trị hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

521
:ON
TN
EM
NI
TP

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán...) được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Tổng Công ty ghi nhận từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

c) Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh. Ảnh hưởng được xem là đáng kể khi tỷ lệ quyền biểu quyết trên 20% và dưới 50% tại đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó sẽ được điều chỉnh theo thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty tại công ty liên kết sau khi mua theo giá trị tài sản thuần. Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong giá trị còn lại của khoản đầu tư, không được phân bổ hàng năm mà chỉ thực hiện đánh giá xem khoản lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

38.
3.
4.
10.
A

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

e) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 – 15	03 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

12. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một Công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

13. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Tổng Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ý chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất, kể

138
NG
NH
A T
IV
P. H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

11/11/2011

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	5.429.797.795	5.597.699.486
Tiền gửi ngân hàng	190.462.384.140	542.681.902.921
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	591.000.000.000	487.830.000.000
Cộng	786.892.181.935	1.036.109.602.407



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn	4.071.040.179.419	4.071.040.179.419	3.297.999.912.329	3.297.999.912.329
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	4.071.040.179.419	4.071.040.179.419	3.297.999.912.329	3.297.999.912.329
- Dài hạn	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	4.071.040.179.419	4.071.040.179.419	3.497.999.912.329	3.497.999.912.329

(*) Ghi chú: Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đang được cầm cố tại ngân hàng đến ngày 31/12/2025 là 384.900.000 VND để bảo đảm cho việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	14.135.954.054	28,10%	13.999.939.596
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	7.039.149.766	28,00%	6.731.760.694
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	17.840.082.784	45,00%	17.858.418.476
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	53.419.046.526	40,00%	53.455.009.361
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	124.356.775.499	27,21%	121.104.817.383
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	23.122.639.039	44,22%	22.483.092.280
Cộng		239.913.647.668		235.633.037.790

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

c) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinacelglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	12,50%	10.500.000.000	12,50%	10.500.000.000
Cộng		43.750.000.000		43.750.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.712.958.040		2.712.958.040
Giá trị thuần		41.037.041.960		41.037.041.960

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	198.938.904.473	145.074.290.970
Công ty TNHH Khiêm Nga	3.862.929.694	5.407.460.448
Công ty TNHH Kinh doanh và Thương mại Dịch vụ Đại Thăng	4.553.825.060	10.312.791.060
Công ty TNHH TM Thực phẩm & Đồ uống Thái Bình Dương	56.926.282.616	-
Phải thu đối tượng khác	133.595.867.103	129.354.039.462
b) Dài hạn	-	-
Cộng	198.938.904.473	145.074.290.970

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

4. Phải thu khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	134.045.319.965	92.949.593.791
Phải thu cước bao bì vỏ chai két	3.626.000.069	2.355.040.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	89.478.133.440	61.241.094.362
Giá trị quyết toán dự án xây dựng cơ bản hoàn thành chờ xử lý	3.249.999.096	3.747.434.313
Phải thu khác	37.691.187.360	25.606.025.116
b) Dài hạn	236.800.000	231.800.000
Ký cược ký quỹ dài hạn	226.800.000	221.800.000
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	134.282.119.965	93.181.393.791

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Không có.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
5. Nợ xấu					
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285	
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Quang Anh	2.116.412.499	2.116.412.499	2.116.412.499	2.116.412.499	
Công ty TNHH Trường Quang II	6.402.416.280	6.402.416.280	6.402.416.280	6.402.416.280	
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	
Các đối tượng khác	10.422.712.587	10.422.712.587	10.843.667.709	10.740.671.709	
Cộng	23.757.786.234	23.757.786.234	24.178.741.356	24.075.745.356	
6. Hàng tồn kho					
Hàng mua đang đi đường	-	-	257.660.000	-	
Nguyên liệu, vật liệu	322.870.552.423	12.536.692.643	273.484.053.222	12.786.149.685	
Công cụ, dụng cụ	101.154.088.293	3.730.627.282	116.747.422.981	3.805.534.996	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.172.392.378	128.484.306	112.196.806.097	54.616.920	
Thành phẩm	128.902.088.915	2.635.683.556	157.049.198.691	1.929.217.536	
Hàng hoá	31.976.789.257	-	72.751.075.250	-	
Hàng gửi bán	61.539.807	-	7.716.099	-	
Cộng	683.137.451.073	19.031.487.787	732.493.932.340	18.575.519.137	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.978.202.831	16.835.179.030
- Dự án nhà văn phòng tại Hồng Hà	-	5.338.684.511
- Dự án cải tạo hệ thống thu gom nước thải tách mưa	2.404.458.056	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1 Hội trường Tổng công ty	13.301.979	3.105.242.629
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	6.560.442.796	8.391.251.890
Cộng	8.978.202.831	16.835.179.030



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	1.952.933.314.787	7.155.183.152.157	225.151.994.462	161.691.366.279	11.670.321.749	9.506.630.149.434
Số tăng trong kỳ	17.899.971.972	46.049.850.639	8.424.557.203	10.982.215.506	76.747.593	83.433.342.913
- Mua sắm mới	4.765.091.333	46.049.850.639	8.424.557.203	10.982.215.506	76.747.593	70.298.462.274
- TSCĐ hình thành từ XDCB	13.134.880.639	-	-	-	-	13.134.880.639
Số giảm trong kỳ	13.007.487.342	37.742.917.906	14.005.494.410	16.767.100.035	20.660.781	81.543.660.474
- Thanh lý nhượng bán	1.978.067.469	37.742.917.906	14.005.494.410	1.551.783.526	-	55.278.263.311
-- Giảm khác	11.029.419.873	-	-	15.215.316.509	20.660.781	26.265.397.163
Số dư cuối kỳ	1.957.825.799.417	7.163.490.084.890	219.571.057.255	155.906.481.750	11.726.408.561	9.508.519.831.873
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	1.397.130.108.933	6.638.502.611.311	195.689.016.814	147.315.732.780	8.927.472.967	8.387.564.942.805
Khấu hao trong kỳ	70.613.694.675	155.653.885.890	9.120.609.724	7.593.029.516	856.987.612	243.838.207.417
Giảm trong kỳ	7.041.253.679	37.699.496.662	13.713.419.386	16.503.742.409	-	74.957.912.136
- Thanh lý nhượng bán	1.719.720.777	37.699.496.662	13.713.419.386	1.551.783.526	-	54.684.420.351
- Giảm khác	5.321.532.902	-	-	14.951.958.883	-	20.273.491.785
Số dư cuối kỳ	1.460.702.549.929	6.756.457.000.539	191.096.207.152	138.405.019.887	9.784.460.579	8.556.445.238.086
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình	555.803.205.854	516.680.540.846	29.462.977.648	14.375.633.499	2.742.848.782	1.119.065.206.629
Tại ngày đầu năm	497.123.249.488	407.033.084.351	28.474.850.103	17.501.461.863	1.941.947.982	952.074.593.787
Tại ngày cuối kỳ						

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.956.894.829.823 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 96.251.648.656 đồng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định vô hình				
Số dư đầu năm	48.065.300.710	126.383.789.703	1.130.171.867	175.579.262.280
Số tăng trong kỳ	-	8.999.116.518	-	8.999.116.518
Số giảm trong kỳ	307.013.000	-	734.088.110	1.041.101.110
Số dư cuối kỳ	47.758.287.710	135.382.906.221	396.083.757	183.537.277.688
Giá trị đã hao mòn				
Số dư đầu năm	512.311.618	98.719.524.677	1.130.171.867	100.362.008.162
Khấu hao trong kỳ	4.798.694	14.726.024.857	-	14.730.823.551
Giảm trong kỳ	118.541.143	-	734.088.110	852.629.253
Số dư cuối kỳ	398.569.169	113.445.549.534	396.083.757	114.240.202.460
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình				
Tại ngày đầu năm	47.552.989.092	27.664.265.026	-	75.217.254.118
Tại ngày cuối kỳ	47.359.718.541	21.937.356.687	-	69.297.075.228

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 79.573.849.073 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	12.418.243.746	1.490.381.782	-	13.908.625.528
Nhà	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	9.536.735.006	1.519.843.496	-	11.056.578.502
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	9.536.735.006	1.519.843.496	-	11.056.578.502
Giá trị còn lại	2.881.508.740	-	-	2.852.047.026
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	2.881.508.740	-	-	2.852.047.026

(*) **Ghi chú:** Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 cần được trình bày. Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và hợp nhất	2.161.256.682	7.085.348.505
Cộng	2.161.256.682	7.085.348.505

12. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	23.097.838.344	31.263.540.647
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ sử dụng	10.327.434.464	8.314.996.425
Chi phí biên hiệu, vật dụng quảng cáo	1.662.638.636	2.638.983.439
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	11.107.765.244	20.309.560.783
b) Dài hạn	286.127.736.957	205.053.706.642
Chi phí thuê đất trả trước	70.344.826.405	73.068.351.903
Công cụ chai kết, bao bì luân chuyển	96.784.643.792	39.811.881.838
Chi phí giải phòng mặt bằng	9.933.545.043	10.288.805.583
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	79.145.028.121	59.212.772.077
Chi phí sửa chữa tài sản	19.220.241.459	13.864.410.119
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.699.452.137	8.807.485.122
Cộng	309.225.575.301	236.317.247.289

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Vay và nợ thuế tài chính	Đầu năm		Trong kỳ		Cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng Trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	70.681.112.774	70.681.112.774	272.869.195.731	315.346.150.633	28.204.157.872	28.204.157.872	
Vay ngắn hạn	70.069.112.774	70.069.112.774	272.257.195.731	314.734.150.633	27.592.157.872	27.592.157.872	
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	18.236.545.731	18.236.545.731	66.861.864.781	85.098.410.512	-	-	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	13.000.000.000	8.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
Ngân hàng Quân Đội	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	51.832.567.043	51.832.567.043	134.016.994.328	179.657.403.499	6.192.157.872	6.192.157.872	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	56.378.336.622	39.978.336.622	16.400.000.000	16.400.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	612.000.000	
b) Vay dài hạn	915.963.000	915.963.000	-	612.000.000	303.963.000	303.963.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	915.963.000	915.963.000	-	612.000.000	303.963.000	303.963.000	
Cộng	71.597.075.774	71.597.075.774	272.869.195.731	315.958.150.633	28.508.120.872	28.508.120.872	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
14. Phải trả người bán					
a) Ngắn hạn	669.942.280.499	669.942.280.499	610.051.831.692	610.051.831.692	
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	48.379.003.272	48.379.003.272	22.489.710.080	22.489.710.080	
Công ty TNHH ĐTTM DV Vận tải Hồng Phát	957.463.135	957.463.135	2.714.480.970	2.714.480.970	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	26.021.118.325	26.021.118.325	25.026.199.396	25.026.199.396	
Công ty TNHH AsiaPackaging Industries (Việt Nam)	26.422.658.858	26.422.658.858	-	-	
Công ty CP Vận tải Habeco	2.148.416.204	2.148.416.204	8.032.445.316	8.032.445.316	
Công ty TNHH đầu tư và sản xuất Đại Việt	18.003.312.049	18.003.312.049	27.977.580.158	27.977.580.158	
Công ty CP sáng tạo và giải pháp truyền thông số Á Châu	-	-	13.734.480.793	13.734.480.793	
Phải trả đối tượng khác	548.010.308.656	548.010.308.656	510.076.934.979	510.076.934.979	
b) Dài hạn	312.904.575	312.904.575	312.904.575	312.904.575	
Công ty TNHH SX và TM Phú Bình	83.095.329	83.095.329	83.095.329	83.095.329	
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Hải Âu	73.365.600	73.365.600	73.365.600	73.365.600	
Công ty TNHH TM và Sản xuất Việt Tùng	52.140.000	52.140.000	52.140.000	52.140.000	
Lương Văn Thắng	42.250.000	42.250.000	42.250.000	42.250.000	
Phải trả đối tượng khác	62.053.646	62.053.646	62.053.646	62.053.646	
Cộng	670.255.185.074	670.255.185.074	610.364.736.267	610.364.736.267	
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.					
d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.					

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	382.187.805.603	4.124.760.592.057	4.157.632.890.887	349.315.506.773
Thuế giá trị gia tăng	34.304.307.326	611.563.348.172	612.549.435.938	33.318.219.560
Thuế GTGT tăng hàng nhập khẩu	-	4.748.230.799	4.748.230.799	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	294.687.509.901	3.346.474.499.162	3.338.357.248.421	302.804.760.642
Thuế xuất nhập khẩu	-	552.714.583	552.714.583	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.341.360.419	29.115.533.749	28.135.340.573	3.321.553.595
Thuế tài nguyên	135.114.136	1.981.876.411	1.992.933.662	124.056.885
Thuế đất, tiền thuê đất	2.090.763.483	13.769.104.337	13.860.214.256	1.999.653.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.233.628.663	114.892.369.075	155.321.172.982	4.804.824.756
Thuế khác	3.395.121.675	1.662.915.769	2.115.599.673	2.942.437.771
b) Phải thu	6.310.967.036	19.628.990.663	25.397.748.094	12.079.724.467
Thuế giá trị gia tăng	1.116.082.798	641.909.497	-	474.173.301
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	669.674.727	669.674.727	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.715.182.964	951.816.579	687.319.617	1.450.686.002
Thuế tài nguyên	2.881.430	-	-	2.881.430
Thuế đất, thuế đất	2.799.637.674	16.756.209.391	24.101.048.008	10.144.476.291
Thuế khác	7.507.443	609.380.469	609.380.469	7.507.443

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	148.838.607.281	143.604.819.918
Chi phí bán hàng	126.645.890.275	122.208.701.993
Chi phí lãi vay	19.872.353	73.572.296
Chi phí xây dựng cơ bản	1.383.512.697	9.428.343.296
Chi phí phải trả khác	20.789.331.956	11.894.202.333
b) Dài hạn	-	-
Cộng	148.838.607.281	143.604.819.918

17. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	297.364.730.347	283.393.359.461
Kinh phí công đoàn	3.286.263.864	1.761.358.677
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	37.031.600	38.155.398
Các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn	152.521.971.706	155.036.005.141
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	73.053.346.549	71.108.398.734
Các khoản phải trả phải nộp khác	68.466.116.628	55.449.441.511
b) Dài hạn	191.083.087.595	121.891.936.767
Nhận ký quỹ ký cược	185.162.802.577	115.961.651.749
Lãi vay phải trả	5.229.341.358	5.229.341.358
Các khoản phải trả phải nộp khác	690.943.660	700.943.660
Cộng	488.447.817.942	405.285.296.228

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả khác là các bên liên quan: Không có.

18. Dự phòng phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	2.688.451.572	2.256.812.292
Dự phòng phải trả khác	2.688.451.572	2.256.812.292
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.688.451.572	2.256.812.292

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu năm</u> VND
a) Ngắn hạn	321.963.634	4.800.000
Khoản thu trước tiền cho thuê văn phòng, thuê kho	321.963.634	4.800.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>321.963.634</u>	<u>4.800.000</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Chỉ tiêu				
Số dư đầu năm trước (01/01/2024)	2.318.000.000.000	1.544.268.440.943	11.698.027.465	760.005.147.176
Lãi trong kỳ trước				370.706.599.958
Trích lập quỹ ĐTPT từ lợi nhuận các năm trước		970.020.000		(970.020.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận các năm trước				(64.322.109.659)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(347.700.000.000)
Chuyển quỹ ĐTPT tại công ty con		(4.372.814.820)		4.372.814.820
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(266.000.000)	
Số dư cuối năm trước (31/12/2024)	2.318.000.000.000	1.540.865.646.123	11.432.027.465	722.092.432.295
Số dư đầu năm nay (01/01/2025)	2.318.000.000.000	1.540.865.646.123	11.432.027.465	722.092.432.295
Lãi trong kỳ này				468.516.760.207
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thường ban điều hành từ lợi nhuận các năm trước				(71.565.196.315)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(266.570.000.000)
Chuyển quỹ ĐTPT tại công ty con		(8.173.741.261)		8.173.741.261
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(695.000.000)	
Số dư cuối kỳ này (31/12/2025)	2.318.000.000.000	1.532.691.904.862	10.737.027.465	860.647.737.448

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Vốn góp của chủ sở hữu

	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	490.557,50	484.258,67
- EUR	176,04	3.937,32
Nợ khó đòi đã xử lý	2.117.816.500	2.088.282.433

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hóa	2.233.413.955.567	2.211.008.341.197	8.598.276.143.469	8.132.867.805.705
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	12.713.143.257	96.108.888.762	54.024.652.883	168.910.138.966
Cộng	2.246.127.098.824	2.307.117.229.959	8.652.300.796.352	8.301.777.944.671
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.</i>				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
Chiết khấu thương mại	42.810.901.430	36.419.636.916	127.305.275.759	83.365.816.073
Hàng bán bị trả lại	168.439.235	-	392.206.594	-
Cộng	42.979.340.665	36.419.636.916	127.697.482.353	83.365.816.073

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần bán hàng hóa thành phẩm	2.190.434.614.902	2.174.588.704.281	8.470.578.661.116	8.049.501.989.632
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	12.713.143.257	96.108.888.762	54.024.652.883	168.910.138.966
Cộng	2.203.147.758.159	2.270.697.593.043	8.524.603.313.999	8.218.412.128.598
4. Giá vốn hàng bán				
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ	1.571.559.277.414	1.638.122.799.684	6.105.390.956.904	6.026.881.693.823
Cộng	1.571.559.277.414	1.638.122.799.684	6.105.390.956.904	6.026.881.693.823
5. Doanh thu hoạt động tài chính				
Lãi tiền gửi tiền, cho vay	65.743.027.431	54.365.623.613	211.811.225.960	173.616.420.464
Lãi chênh lệch tỷ giá	338.071.645	1.189.467.807	5.103.667.532	3.318.325.314
Cổ tức lợi nhuận được chia	58.870.000	-	793.870.000	735.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	-	200.000
Cộng	66.139.969.076	55.555.091.420	217.708.763.492	177.669.945.778

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí hoạt động tài chính	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	242.872.177	370.547.897	1.591.462.963	2.919.404.255
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-	172.864.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá	394.945.600	1.042.384.044	4.806.196.300	2.666.655.932
Cộng	637.817.777	1.412.931.941	6.397.659.263	5.758.925.009

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Chi phí bán hàng	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	404.143.620.140	404.766.468.853	1.464.421.874.500	1.377.780.938.100
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	63.463.309.676	61.077.220.251	229.646.163.052	180.553.354.880
Chi phí bốc xếp vận chuyển hàng bán	29.282.836.041	28.511.575.457	106.266.042.107	69.653.204.478
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	22.772.619.916	32.424.462.507	93.042.144.845	99.109.938.408
Chi phí khác	190.018.612.275	252.366.829.072	724.069.184.925	713.682.810.390
	98.606.242.232	30.386.381.566	311.398.339.571	314.781.629.944
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	211.098.378.245	160.121.972.483	599.641.277.658	513.365.466.604
Chi phí nhân viên	112.225.368.159	73.958.311.587	289.586.452.340	218.946.871.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.604.768.954	10.528.718.803	45.948.118.931	43.156.798.520
Chi phí tiền thuê đất	3.964.408.768	(636.897.552)	29.105.962.913	33.972.599.195
Chi phí mua ngoài và chi phí khác	83.303.832.364	76.271.839.645	235.000.743.474	217.289.197.807
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Không có.				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Thu thanh lý tài sản	4.059.933.468	541.343.350	6.816.808.086	1.172.031.565
Thu nhập bán bã bia	1.889.118.800	2.247.268.900	8.740.808.400	9.766.263.975
Thu phạt bồi thường	390.746.708	2.294.242.695	1.436.453.345	2.893.564.549
Thu hồi vỏ chai, vỏ keg	1.642.178.863	2.154.380.126	4.167.905.859	3.911.588.930
Thu nhập khác	7.637.005.661	11.676.871.659	17.677.911.517	11.933.772.621
Cộng	15.618.983.500	18.914.106.730	38.839.887.207	29.677.221.640
9. Chi phí khác	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	46.666.517	1.434.809.276	550.129.878	5.136.631.995
Chi phí thanh lý tài sản	5.378.526.492	-	5.378.526.492	-
Chi phí vỏ chai	152.383.635	521.037.273	191.645.453	561.850.000
Chi phí khác	273.030.435	3.990.157.828	3.615.626.406	5.896.294.204
Cộng	5.850.607.079	5.946.004.377	9.735.928.229	11.594.776.199

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Tổng Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.573.904.197	138.940.422.523	612.488.338.477	506.841.566.884
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(5.875.662.004)	5.588.820.531	(39.505.344.773)	34.005.003.452
Tổng thu nhập chịu thuế	87.698.242.193	144.529.243.054	572.982.993.704	540.846.570.336
<i>Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp</i>	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.539.648.438	28.905.848.611	114.596.598.740	108.169.314.067
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành các năm trước	51.342.763	(579.249.322)	295.770.335	10.719.078.359
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.590.991.201	28.326.599.289	114.892.369.075	117.963.752.521

11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.621.671.782	109.496.209.431	468.516.760.207	370.706.599.958
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	71.621.671.782	109.496.209.431	468.516.760.207	370.706.599.958
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	231.800.000	231.800.000	231.800.000	231.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	309	472	2.021	1.599
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	309	472	2.021	1.599

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tăng suy giảm trong Quý 4/2025 và đến ngày lập báo cáo tài chính kỳ kế toán Quý 4 năm 2025.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/2025 VND	Quý 4/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu, CCDC	733.225.919.417	755.993.499.009	2.648.101.932.080	2.655.262.144.320
Chi phí nhân công	221.902.638.052	182.394.035.698	730.966.912.061	618.745.956.041
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.440.109.839	82.935.793.625	260.088.874.464	383.094.400.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.068.311.738	303.342.558.030	1.084.890.435.913	1.002.944.593.164
Chi phí khác	203.780.032.583	217.396.986.239	642.203.669.539	681.256.950.414
Cộng	1.498.417.011.629	1.542.062.872.601	5.366.251.824.057	5.341.304.044.459

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết
Công ty CP Vận tải Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Harec Dầu tư & Thương mại	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Mua hàng hóa	5.973.103.040	-	
	Bán vật tư, hàng hóa	4.138.755.911	627.666.000	
	Bán quyền nhãn hiệu	4.038.893.280	4.840.812.720	
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cho thuê mặt bằng	1.123.200.000	1.123.200.000	
	Cước vận chuyển, bốc xếp	25.413.465.112	29.281.039.592	
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Bán phế liệu	243.704.500	286.592.440	
	Mua vỏ chai	1.705.827.600	1.656.148.680	
Công ty CP Bao bì Habeco	Mua vật tư bao bì	87.271.642.526	85.399.942.650	
	Điện, nước và khác	78.208.000	73.648.584	
	Chi phí khác	18.000.000	-	

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	Đầu năm
		Cuối kỳ	
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Phải thu tiền bán vật tư, hàng hóa	44.132.813	116.024.461
	Phải trả tiền mua hàng hóa	-	(166.536.240)
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Phải thu tiền bán vật tư, hàng hóa	1.779.539.216	925.185.250
	Mua hàng hóa	(2.542.100.000)	-
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Phải trả cước vận tải	(2.148.416.204)	(8.032.445.316)
Công ty CP Bao bì Habeco	Phải thu tiền bán vật tư, hàng hóa	24.122.880	17.421.600
	Phải trả tiền mua hàng hóa	(6.050.229.099)	(14.191.151.735)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Quý 4/2025	Quý 4/2024	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
		VND	VND	đến Cuối kỳ	đến 31/12/2024
				VND	VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	347.910.000	297.600.000	1.391.640.000	1.190.400.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	48.000.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	48.000.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	48.000.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	55.200.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000
Bà Quán Lê Hà	Thành viên	55.200.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000
Ông Trần Danh Đăng	Thành viên	55.200.000	40.800.000	192.000.000	163.200.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát					
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	244.800.000	187.200.000	979.200.000	748.800.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	48.000.000	24.000.000	192.000.000	96.000.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	72.000.000	24.000.000	192.000.000	96.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác					
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	474.531.750	268.800.000	1.898.127.000	1.075.200.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		1.830.897.000	1.022.400.000	7.323.588.000	4.089.600.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Tổng Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh V.2), thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số V.8) và tại thời điểm 31/12/2025 Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	1.863.084.199.834	191.699.955.170	2.054.784.155.004
Phải trả người bán	669.942.280.499	312.904.575	670.255.185.074
Vay và nợ thuê tài chính	28.204.157.872	303.963.000	28.508.120.872
Chi phí phải trả	148.838.607.281	-	148.838.607.281
Các khoản phải trả khác	1.016.099.154.182	191.083.087.595	1.207.182.241.777
Số đầu năm	1.779.646.868.242	123.120.804.342	1.902.767.672.584
Phải trả người bán	610.051.831.692	312.904.575	610.364.736.267
Vay và nợ thuê tài chính	70.681.112.774	915.963.000	71.597.075.774
Chi phí phải trả	143.604.819.918	-	143.604.819.918
Các khoản phải trả khác	955.309.103.858	121.891.936.767	1.077.201.040.625

4.
TY
+
ÁI
I
CHI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

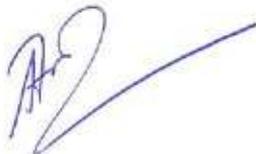
8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2025, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Lê Thu Trang

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm